

Số: 264/2023/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 580/7/36, đường T, Tổ 54, Khu phố 6, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Ngô Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 580/7/36, đường T, Tổ 54, Khu phố 6, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012. Ngày 20/7/2012 đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu chung sống, bà T, ông T sống hạnh phúc, quan tâm lo lắng cho nhau. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2019, bà T, ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Bà T, ông T đã trao đổi, bàn bạc với nhau để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Bà T và ông T sống ly thân nhau đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 02 con chung là Nguyễn Ngô Gia H, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Ngô Bảo N, sinh ngày 18/4/2016. Sau khi ly hôn, bà T và ông T thỏa thuận 02 con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Ngô Ngọc T và ông Nguyễn Thành T thuận tình ly hôn.

(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyền số 1/2012 ngày 20/7/2012 của UBND phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương cấp cho bà T, ông T)

- Về con chung và nuôi con: Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Ngô Gia H, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Ngô Bảo N, sinh ngày 18/4/2016.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự (hôn nhân gia đình) sơ thẩm: Bà T, ông T mỗi người nộp 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp trước đây theo Biên lai thu số AA/2021/0003222 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND P. L, TP.M, Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình